CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
Sân bay quốc tế Nội Bài, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Điện thoại: +844-3584-2568 (hàng nhập)
+844-3584-4482 (hàng xuất)
+849-4363-8898 (hỗ trợ khai thác)

BẢNG GIÁ DỊCH VỤ PHI HÀNG KHÔNG

GIÁ DỊCH VỤ RA VÀO SÂN ĐỖ Ô TÔ (*)	ĐƠN VỊ TÍNH	GIÁ CHO 2 TIẾNG ĐẦU TIÊN *(VNĐ)*	GIÁ MỖI BLOCK TIẾP THEO *(VNĐ)*
PHƯƠNG TIỆN RA VÀO SÂN ĐỖ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN			
1. Xe ô tô đến 9 chỗ, xe tải đến 1,5 tấn	Xe/lượt	15.000	5.000
2. Xe ô tô 10-16 chỗ, xe bán tải và xe tải 1,5-3,5 tấn	Xe/lượt	20.000	7.000
3. Xe ô tô 17-29 chỗ, xe tải 3,5-7 tấn	Xe/lượt	30.000	10.000
4. Xe ô tô từ 30 chỗ trở lên, tải trên 7 tấn, xe container, xe kéo rơ moóc	Xe/lượt	40.000	15.000
PHƯƠNG TIỆN RA VÀO SÂN ĐỖ THƯỜNG XUYÊN – CÓ KINH DOANH DỊCH VỤ VẬN TẢI			
1. Xe ô tô đến 9 chỗ, xe tải đến 1,5 tấn	Xe/tháng	900.000 (**)	
2. Xe ô tô 10-16 chỗ, xe bán tải và xe tải 1,5-3,5 tấn	Xe/tháng	950.000 (**)	
3. Xe ô tô 17-29 chỗ, xe tải 3,5-7 tấn	Xe/tháng	1.200.000 (**)	
4. Xe ô tô từ 30 chỗ trở lên, tải trên 7 tấn, xe container, xe kéo rơ moóc	Xe/tháng	1.250.000 (**)	
Thời gian đỗ xe tối đa đối với các phương tiện thuộc mục 1 & 2 là 3 tiếng/ngày, đối với các phương tiện thuộc mục 3 & 4 là 5 tiếng/ngày			
PHƯƠNG TIỆN RA VÀO SÂN ĐỖ THƯỜNG XUYÊN – KHÔNG KINH DOANH DỊCH VỤ VẬN TẢI			
1. Xe của nhân viên các tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở văn phòng tại kho hàng Nội Bài không kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa (Áp dụng đối với xe ô tô đến 9 chỗ ngồi)	Xe/tháng	400.000 (**)	
Thời gian đỗ xe tối đa 12 tiếng/ngày, số ngày đỗ xe là 22 ngày/tháng.			

DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA	XE 0.5 – 1.25 TẤN *(VND/lượt)*	XE 3.5 TẤN *(VND/lượt)*	XE 5 TẤN *(VND/lượt)*
TỪ NHÀ GA HÀNG HÓA NỘI BÀI ĐẾN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP			
1. Khu công nghiệp Nội Bài	170.000	500.000	660.000
2. Khu công nghiệp Quang Minh	170.000	500.000	660.000

3. Khu công nghiệp Thăng Long	180.000	580.000	850.000
4. Khu công nghiệp Khai Quang	280.000	770.000	990.000
5. Khu công nghiệp Quế Võ	360.000	830.000	1.100.000
6. Khu công nghiệp Phố Nối	410.000	830.000	1.100.000
TỪ NHÀ GA HÀNG HÓA NỘI BÀI ĐẾN TRUNG TÂM CÁC TỈNH. THÀNH PHỐ			
7. Trung tâm Hà Nội	290.000	770.000	990.000
8. Thành phố Bắc Ninh	330.000	770.000	990.000
9. Hiệp Hòa (Bắc Giang)	360.000	825.000	1.100.000
10. Trung tâm Hà Đông	360.000	880.000	1.160.000
11. Trung tâm Thái Nguyên	500.000	1.000.000	1.320.000
12. Trung tâm Bắc Giang	510.000	990.000	1.380.000
13. Trung tâm Việt Trì	510.000	1.000.000	1.320.000
14. Ứng Hòa (Hà Nội)	660.000	1.320.000	1.760.000
15. Trung tâm Hải Dương	720.000	1.350.000	1.760.000
16. Trung tâm Hưng Yên	720.000	1.350.000	1.820.000
17. Trung tâm Hà Nam	770.000	1.350.000	1.650.000
18. Trung tâm Phú Thọ	770.000	1.450.000	1.870.000
19. Trung tâm Hòa Bình	770.000	1.650.000	2.200.000
20. Trung tâm Nam Định	1.050.000	1.800.000	2.310.000
21. Trung tâm Hải Phòng	1.050.000	1.900.000	2.200.000
22. Trung tâm Thái Bình	1.210.000	2.000.000	2.420.000
23. Trung tâm Quảng Ninh	1.320.000	2.550.000	2.750.000
24. Trung tâm Thanh Hóa	1.380.000	2.550.000	3.300.000
25. Trung tâm Yên Bái	1.380.000	2.750.000	3.400.000
26. Trung tâm Lạng Sơn	1.430.000	2.450.000	3.520.000
27. Trung tâm Nghệ An	2.750.000	4.400.000	6.600.000
28. Trung tâm Sơn La	3.030.000	5.500.000	6.820.000
PHỤ THU			
1. Xe chờ trên 2 giờ (Đơn vị tính: giờ/xe)	35.000	55.000	90.000
2. Lưu xe qua đêm từ 18h đến 9h (Đơn vị tính: xe)	220.000	390.000	550.000
3. Giao hàng tại điểm thứ 2 trở đi (***) (Đơn vị tính: điểm)	55.000	55.000	55.000

DỊCH VỤ KHÁC	**GHI CHÚ**	**ĐƠN VỊ TÍNH**	**ĐƠN GIÁ** *(VND)*
• Dịch vụ photo chứng từ		Tờ	3.000

4. Dịch vụ dán nhãn kiện hàng			
○ Giá tối thiểu		KVĐ/lần	60.000
○ Giá áp dụng		Kiện	2.000
5. Dịch vụ gia cố lại kiện hàng thông thường			
○ Giá tối thiểu		KVĐ/lần	54.000
○ Giá áp dụng		Kiện	18.000
6. Dịch vụ chụp ảnh theo yêu cầu		Ảnh	15.000
7. Kiểm tra trọng lượng theo yêu cầu của khách hàng		Lần	200.000
8. Dịch vụ đại lý giao nhận vận tải		KVĐ/lần	365.000
9. Dịch vụ cho thuê tủ đựng tài liệu		Ngăn tủ/tháng	330.000
10. Dịch vụ cho thuê mặt bằng văn phòng (****)			
○ Giá sàn		m^2/tháng	450.000
○ Giá trần		m^2/tháng	650.000
11. Dịch vụ cho thuê mặt bằng nhà ga hàng hóa			
○ Giá sàn		m^2/tháng	235.000
○ Giá trần		m^2/tháng	400.000
12. Dịch vụ cho thuê dolly	Tùy thuộc vào tình trạng sẵn có của trang thiết bị		
○ 10 feet		Dolly/giờ	250.000
○ 20 feet tải trọng 15 tấn		Dolly/giờ	300.000
○ 20 feet tải trọng 40 tấn		Dolly/giờ	400.000
13. Dịch vụ cho thuê xe xúc nâng	Tùy thuộc vào tình trạng sẵn có của phương tiện		
○ 2,5 tấn		Xe/giờ	600.000
○ 12 tấn		Xe/giờ	900.000
14. Dịch vụ cho thuê xe đầu kéo 2.5 tấn	Tùy thuộc vào tình trạng sẵn có của phương tiện	Xe/giờ	1.250.000
15. Dịch vụ cho thuê container lạnh	Tùy thuộc vào tình trạng sẵn có của trang thiết bị		
○ Thuê nguyên container tại kho ACSV trong 04 giờ đầu		Giờ	300.000
○ Thuê nguyên container tại kho ACSV từ giờ thứ 05 đến hết giờ thứ 24		Giờ	390.000
○ Thuê nguyên container tại kho ACSV từ giờ thứ 25		Giờ	450.000
16. Dịch vụ cho thuê xe đẩy phục vụ hàng hóa	Tùy thuộc vào tình trạng sẵn có của trang thiết bị		
○ Với khách lẻ, trọng lượng hàng dưới 500 kg		Lượt/giờ	30.000

○ Với những khách còn lại		Tấn	55.000

PHỤ THU XỬ LÝ NGOÀI GIỜ HÀNH CHÍNH

1.	Từ 16h30 đến 22h ngày làm việc thông thường	+ 10% giá dịch vụ
2.	Từ sau 22h đến 7h30 ngày làm việc thông thường kế tiếp và ngày nghỉ, ngày lễ, ngày nghỉ bù cho ngày nghỉ lễ	+ 30% giá dịch vụ

GHI CHÚ:

(*) Mức giá niêm yết của dịch vụ ra vào sân đỗ ô tô đã bao gồm thuế VAT. Mức giá niêm yết đối với các dịch vụ khác chưa bao gồm thuế VAT.

(**) Các phương tiện sử dụng vé tháng nếu đỗ xe quá thời gian quy định sẽ bị tính phí đỗ xe theo lượt cho khoảng thời gian đỗ xe vượt quá mức thời gian tối đa theo quy định.

(***) Khoảng cách tối đa giữa các điểm là 5 km.

(****) Chính sách giảm giá: Tùy thuộc vào từng thời điểm và đối tượng khách hàng cụ thể, ACSV sẽ áp dụng chính sách giảm giá, mức giảm tối đa 25% mức giá áp dụng.